

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **348** /UBND-TH
Về việc: đơn đốc các dự án giải
ngân thấp vốn đầu tư công năm 2026

Quảng Trị, ngày 26 tháng 6 năm 2026

Kính gửi:

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Bí thư các xã, phường, đặc khu;
- Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các chủ đầu tư.

Thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2026, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo để thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án, nâng cao tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, cụ thể: UBND tỉnh đã giao vốn sớm; có nhiều biện pháp chỉ đạo quyết liệt, ban hành nhiều văn bản đơn đốc tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, tuy nhiên, bên cạnh sự nỗ lực của các dự án giải ngân tốt, vẫn còn khá nhiều dự án của một số đơn vị chưa giải ngân hoặc giải ngân thấp (dưới 10%), điều này làm ảnh hưởng đến tiến độ và tỷ lệ giải ngân chung của toàn tỉnh, dẫn đến tỷ lệ giải ngân chung của tỉnh đang thấp hơn tỷ lệ giải ngân trung bình của cả nước.

Để phấn đấu đạt mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2026, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu, các chủ đầu tư thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. UBND các xã, phường, đặc khu chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thu ngân sách địa phương, đặc biệt là nguồn thu sử dụng đất để đảm bảo tiến độ phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công đã được giao. Hiện tại, qua theo dõi nhiều địa phương chưa phân bổ hết kế hoạch vốn được giao hoặc số phân bổ quá thấp, đặc biệt do chưa thu được nguồn thu sử dụng đất nên nhập dự toán thấp (dưới 10%) so với kế hoạch vốn được HĐND tỉnh giao đầu năm¹ (*Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo*).

Vì vậy, yêu cầu UBND các xã, phường, đặc khu khẩn trương thực hiện các giải pháp để tăng nguồn ngân sách, đặc biệt là nguồn thu sử dụng đất để phân bổ chi tiết cho các dự án kế hoạch đầu tư công năm 2026, việc phân bổ vốn phải đảm bảo đúng quy định, trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân.

Khẩn trương đơn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công để giải ngân nguồn vốn huyện lên tỉnh đã được UBND tỉnh phân bổ tại Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 10/6/2026.

¹ Phường Đông Hà, Nam Đông Hà, xã Tuyên Bình, Hiếu Giang, Tà Rụt, Hướng Hiệp, Đăkron, LaLay, Ba Lòng, Khe Sanh, Tân Lập, Lao Bảo, Lia, Hướng Lập, Hướng Phùng, Triệu Phong, Ái Tử, Triệu Bình, Triệu Cơ, Nam Cửa Việt, Diên Sanh, Mỹ Thủy, Hải Lăng, Vĩnh Định,

2. Phê bình các đơn vị có dự án đến hết 12/6/2026 chưa giải ngân hoặc giải ngân thấp (dưới 10%) (*Chi tiết có Phụ lục 2 kèm theo*). Các chủ đầu tư các dự án tại Phụ lục nêu trên khẩn trương đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, nghiệm thu và giải ngân các dự án để nâng cao tỷ lệ giải ngân chung của toàn tỉnh.

UBND tỉnh sẽ phê bình công khai tại cuộc họp thường kỳ UBND tỉnh nếu đến hết tháng 6/2026, các dự án tại Phụ lục nêu trên vẫn đạt tỷ lệ giải ngân thấp dưới mức trung bình toàn tỉnh.

3. Các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu, các chủ đầu tư tiếp tục thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ đã được UBND tỉnh giao tại Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 09/2/2026, các Thông báo kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, thông báo kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh về công tác giải ngân, thông báo kết luận các phiên họp thường kỳ của UBND tỉnh, kết luận của Tổ trưởng các Tổ công tác của UBND tỉnh về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2026, tập trung thực hiện các giải pháp linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả, quyết liệt để đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; đặc biệt là đối với các công trình, dự án trọng điểm... Việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân phải đảm bảo gắn với chất lượng công trình, dự án, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí, vi phạm quy định của pháp luật.

4. Các chủ đầu tư nêu cao trách nhiệm người đứng đầu, lập kế hoạch giải ngân chi tiết từng dự án, phân công lãnh đạo cụ thể phụ trách từng dự án để theo dõi, tuân thủ nghiêm kế hoạch giải ngân của từng tháng, quý và chịu trách nhiệm về kết quả giải ngân của dự án. Tập trung đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ thi công, tháo gỡ khó khăn vướng mắc. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hiện trường, đôn đốc nhà thầu, tư vấn đẩy nhanh tiến độ. Chủ động rà soát, đề xuất điều chuyển vốn trong nội bộ các dự án cùng chủ đầu tư hoặc đề xuất điều chuyển tăng/giảm cho các dự án khác nếu cần bổ sung vốn hoặc không có nhu cầu.

Ngay sau khi ký hợp đồng, phối hợp với nhà thầu để triển khai các thủ tục tạm ứng theo quy định để có vốn chuẩn bị ngay các điều kiện cần thiết phục vụ thi công dự án; đẩy nhanh quá trình nghiệm thu và hoàn thiện hồ sơ thanh toán ngay sau khi có khối lượng theo quy định.

5. Thực hiện cơ chế phân công, phân cấp, giao trách nhiệm, phối hợp rõ ràng, cụ thể về thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các dự án đầu tư công. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động các Tổ công tác chỉ đạo giải ngân đầu tư công do các Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng.



6. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công; có chế tài xử lý nghiêm theo quy định các Ban quản lý dự án, nhà thầu thi công, tổ chức, cá nhân cố tình làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong đầu tư công.

Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu, các chủ đầu tư khẩn trương, nghiêm túc triển khai thực hiện./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, CTXD, KGVX, TH.



Lê Hồng Vinh

Phụ lục 1

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GIAO KẾ HOẠCH VỐN VÀ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Kèm theo Văn bản số **348** /UBND-TH ngày **26** /6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Kế hoạch vốn 2026 HĐND tỉnh giao đầu năm (Không sửa)	Kế hoạch vốn 2026 HĐND tỉnh giao sau khi tiết kiệm 5%	Kế hoạch vốn 2026 xã, phường, đặc khu giao đến thời điểm 15/6/2026	Giải ngân KHV 2026 đến 15/6/2026	Tỷ lệ giải ngân (%)	KHV 2026 đã nhập Tabmis đến thời điểm báo cáo	KHV 2026 chưa nhập Tabmis so với KHV HĐND tỉnh giao đến thời điểm báo cáo	Tỷ lệ nhập Tabmis trên KHV được giao đầu năm
1	2	3	4	5	6	$7=(6)/(4)$	8	$9=(4)-(8)+(5)$	10
	TỔNG CỘNG	1.443.897	1.386.526	1.093.034	252.120	17,5	466.056	920.470	33,6
I	Các xã chưa giao KHV, chưa nhập dự toán (không có KHV và không có nguồn để giải ngân)	1.358.824	1.305.707	1.011.448	221.851	14,9	404.404	901.304	2.069
1	Xã Tuyên Bình	4.244	4.032	-	-	0%	-	4.032	0,0
II	Các xã đã giao KHV nhưng chưa nhập dự toán (có KHV nhưng không có nguồn để giải ngân)	118.640	115.932	90.401	-	-	-	115.932	-
1	Xã Cam Lộ	26.876	25.532	2.732		0%		25.532	0,0
2	Xã Cửa Tùng	20.815	19.774	19.774	-	0%	-	19.774	0,0
3	Xã Cồn Tiên	11.931	11.334	11.334	-	0%	-	11.334	0,0
4	Xã Vĩnh Thủy	8.283	11.093	11.093	-	0%	-	11.093	0,0
5	Xã Khe Sanh	9.467	8.993	8.993	-	0%	-	8.993	0,0
6	Xã Gio Linh	8.867	8.424	8.424	-	0%	-	8.424	0,0
7	Xã Bến Hải	5.326	5.060	5.060	-	0%	-	5.060	0,0
8	Xã Cửa Việt	4.858	4.615	4.615	-	0%	-	4.615	0,0
9	Xã Vĩnh Định	4.589	4.360	2.649	-	0%		4.360	0,0
10	Xã Lệ Ninh	4.542	4.315	4.315	-	0%	-	4.315	0,0

STT	NỘI DUNG	Kế hoạch vốn 2026 HĐND tỉnh giao đầu năm (Không sửa)	Kế hoạch vốn 2026 HĐND tỉnh giao sau khi tiết kiệm 5%	Kế hoạch vốn 2026 xã, phường, đặc khu giao đến thời điểm 15/6/2026	Giải ngân KHV 2026 đến 15/6/2026	Tỷ lệ giải ngân (%)	KHV 2026 đã nhập Tabmis đến thời điểm báo cáo	KHV 2026 chưa nhập Tabmis so với KHV HĐND tỉnh giao đến thời điểm báo cáo	Tỷ lệ nhập Tabmis trên KHV được giao đầu năm
11	Xã Hướng Lập	3.522	3.346	3.346	-	0%	-	3.346	0,0
12	Xã Tân Thành	3.456	3.283	5.000	-	0%	-	3.283	0,0
13	Xã Bến Quan	3.085	2.931	193	-	0%	-	2.931	0,0
14	Xã Tân Lập	3.023	2.872	2.872	-	0%	-	2.872	0,0
III	Các xã đã giao KHV nhưng nhập dự toán dưới 20% so tổng KHV (nguồn để sẵn sàng giải ngân quá thấp so KHV được giao)	561.564	537.774	371.975	15.683	2,9	51.792	485.983	9,6
1	Phường Đồng Thuận	149.426	141.955	86.137	4.196	3,0%	17.122	124.833	12,1
2	Phường Đồng Hà	114.773	109.032	109.032	-	0,0%	12.875	96.157	11,8
3	UBND phường Bắc Gianh	62.991	59.841	691	691	1,2%	691	59.150	1,2
4	Phường Nam Đông Hà	50.306	47.791	59.281	600	1,3%	600	47.191	1,3
5	Xã Ninh Châu	38.992	37.042	42.592	5.048	13,6%	6.145	30.897	16,6
6	UBND phường Ba Đồn	38.664	36.731	2.304	1.800	4,9%	2.304	34.427	6,3
7	Phường Đồng Sơn	26.203	24.893	7.503	1.507	6,1%	3.850	21.043	15,5
8	Xã Vĩnh Linh	20.594	23.855	23.855	175	0,7%	2.723	21.132	11,4
9	UBND xã Quảng Trạch	20.902	19.857	20.902	883	4,4%	2.641	17.216	13,3
10	Xã Diên Sanh	20.847	19.805	2.704,65	647	3,3%	2.704,65	17.100	13,7
11	UBND xã Tuyên Hóa	17.866	16.973	16.973	136	0,8%	136	16.837	0,8
IV	Các xã còn lại (sắp xếp theo KHV giảm dần)	494.961	475.713	376.571	138.099	29,0%	235.802	239.911	49,6
1	Phường Đồng Hới	190.469	180.946	57.630	18.378	10,2%	57.630	123.316	31,8
2	Xã Quảng Ninh	74.807	71.067	87.586	27.787	39,1%	29.645	41.422	41,7
3	Xã Hoàn Lão	38.953	42.505	42.505	15.814	37,2%	24.182	18.323	56,9
4	Xã Bố Trạch	29.603	28.123	32.303	13.097	46,6%	24.970	3.153	88,8

STT	 NỘI DUNG	Kế hoạch vốn 2026 HĐND tỉnh giao đầu năm (Không sửa)	Kế hoạch vốn 2026 HĐND tỉnh giao sau khi tiết kiệm 5%	Kế hoạch vốn 2026 xã, phường, đặc khu giao đến thời điểm 15/6/2026	Giải ngân KHV 2026 đến 15/6/2026	Tỷ lệ giải ngân (%)	KHV 2026 đã nhập Tabmis đến thời điểm báo cáo	KHV 2026 chưa nhập Tabmis so với KHV HĐND tỉnh giao đến thời điểm báo cáo	Tỷ lệ nhập Tabmis trên KHV được giao đầu năm
5	Xã Lệ Thủy	24.426	23.205	25.926	11.036	47,6%	14.437	8.768	62,2
6	Xã Cam Hồng	24.003	22.803	22.803	11.713	51,4%	19.063	3.740	83,6
7	Xã Đông Trạch	23.813	22.622	30.406	13.004	57,5%	22.680	(58)	100,3
8	Xã Nam Gianh	23.784	22.595	22.595	4.520	20,0%	8.160	14.435	36,1
9	Xã Bắc Trạch	23.267	22.104	23.850	9.052	41,0%	14.004	8.100	63,4
10	Xã Phú Trạch	20.954	19.906	11.129	7.699	38,7%	11.129	8.777	55,9
11	Phường Quảng Trị	20.882	19.838	19.838	5.999	30,2%	9.902	9.936	49,9
12	Xã Hòa Trạch	14.998	14.248	12.438	11.165	78,4%	12.438	1.810	87,3
13	Xã Hiếu Giang	14.895	14.150	9.782	3.192	22,6%	9.782	4.369	69,1
14	Xã Nam Trạch	14.869	14.126	30.329	13.345	94,5%	23.079	(8.953)	163,4
15	Xã Trường Ninh	12.457	11.834	17.858	2.347	19,8%	2.453	9.381	20,7
16	Xã Phong Nha	12.148	11.541	20.072	5.938	51,5%	14.046	(2.505)	121,7
17	Xã Nam Ba Đồn	11.770	11.182	6.678	5.441	48,7%	6.678	4.504	59,7
18	Xã Tân Gianh	11.734	11.147	3.209	1.253	11,2%	3.209	7.938	28,8
19	Xã Sen Ngư	11.277	10.713	3.964	2.986	27,9%	3.400	7.313	31,7
20	Xã Đồng Lê	8.785	8.345	8.345	615	7,4%	2.000	6.345	24,0
21	Xã Hải Lăng	8.211	7.800	1.400	861	11,0%	1.400	6.400	17,9
22	Xã Nam Cửa Việt	7.787	7.398	7.398	582	7,9%	3.060	4.338	41,4
23	Xã Triệu Cơ	7.691	7.306	12.306	4.786	65,5%	9.100	(1.794)	124,5
24	Xã Ái Tử	7.641	7.259	4.560	1.389	19,1%	2.699	4.560	37,2
25	Xã Trường Phú	7.233	6.871	6.871	1.520	22,1%	3.056	3.815	44,5
26	Xã Trung Thuận	4.728	6.305	2.782	2.041	32,4%	2.782	3.523	44,1
27	Xã Lao Bảo	6.106	5.801	5.801	1.436	24,8%	4.280	1.521	73,8
28	Xã Minh Hóa	5.947	5.650	5.650	3.578	63,3%	4.697	953	83,1
29	Xã Tân Mỹ	5.877	5.583	9.487	4.208	75,4%	5.079	504	91,0
30	Xã Dân Hóa	5.261	4.998	3.573	1.386	26%	3.573	1.425	71,5
31	Xã Hướng Hiệp	5.171	4.912	4.912	2.800	57,0%	3.848	1.064	78,3

STT	NỘI DUNG	Kế hoạch vốn 2026 HĐND tỉnh giao đầu năm (Không sửa)	Kế hoạch vốn 2026 HĐND tỉnh giao sau khi tiết kiệm 5%	Kế hoạch vốn 2026 xã, phường, đặc khu giao đến thời điểm 15/6/2026	Giải ngân KHV 2026 đến 15/6/2026	Tỷ lệ giải ngân (%)	KHV 2026 đã nhập Tabmis đến thời điểm báo cáo	KHV 2026 chưa nhập Tabmis so với KHV HĐND tỉnh giao đến thời điểm báo cáo	Tỷ lệ nhập Tabmis trên KHV được giao đầu năm
32	Xã Triệu Phong	4.979	4.730	4.730	1.050	22,2%	1.700	3.030	35,9
33	Xã Trường Sơn	4.194	3.984	4.079	1.632	41,0%	3.057	927	76,7
34	Xã Tuyên Phú	4.146	3.939	3.939	2.100	53,3%	3.603	336	91,5
35	Xã Kim Phú	4.085	3.881	3.881	1.546	39,8%	2.784	1.097	71,7
36	Xã Mỹ Thủy	4.053	3.850	5.332	-	0,0%	5.332	(1.482)	138,5
37	Xã Vĩnh Hoàng	4.045	3.843	3.843		0,0%	2.330	1.513	60,6
38	Xã Triệu Bình	3.915	3.719	3.719	2.068	55,6%	2.850	869	76,6
39	Xã Thượng Trạch	3.883	3.688	3.688	1.509	41%	3.188	500	86,4
40	Xã Đakrông	3.862	3.669	3.669	2.408	65,6%	3.341	328	91,1
41	Xã Kim Ngân	3.693	3.508	3.508	1.248	35,6%	1.248	2.261	35,6
42	Xã Tà Rụt	3.667	3.484	3.484	1.332	38,2%	3.484	-	100,0
43	Xã Ba Lòng	3.617	3.436	3.436	2.287	66,6%	2.809	627	81,8
44	Xã A Dơi	3.606	3.426	3.426	729	21,3%	2.787	639	81,4
45	Xã Hướng Phùng	3.592	3.412	3.410	786	23,0%	2.637	775	77,3
46	Xã La Lay	3.587	3.408	3.118	2.006	58,9%	3.117	291	91,5
47	Xã Lìa	3.565	3.387	3.387	-	0,0%	3.084	303	91,1
48	Xã Tuyên Lâm	3.547	3.370	3.870	700	20,8%	700	2.670	20,8
49	Xã Nam Hải Lăng	3.538	3.361	2.791	1.954	58,1%	2.938	423	87,4
50	Xã Tuyên Sơn	3.473	3.299	3.299	649	19,7%	2.964	335	89,8
51	Xã Kim Diên	3.432	3.260	2.812	2.755	84,5%	2.812	448	86,2
52	Đặc khu Cồn Cỏ	3.423	3.252	3.252	710	21,8%	1.040	2.212	32,0



Phụ lục 2: CÁC DỰ ÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH TW, NGÂN SÁCH TỈNH ĐẾN NGÀY 12/6/2026
GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH NĂM 2026 DƯỚI 10%

(Kèm theo Văn bản số **348** /UBND-TH ngày **26/6/2026** của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã số dự án	KH vốn năm 2026	Số giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ		773.162	25.195	3,3	
A	CÁC DỰ ÁN CHƯA GIẢI NGÂN (0%)		198.300			
I	Nguồn đầu tư công thuộc ngân sách tỉnh		198.300			
1	7946890 - Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình	7946890	6.000			Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh
2	7947666 - Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình	7947666	15.000			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	7988600 - Hoàn thiện các tuyến đường giao thông nội thị tại thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	7988600	6.000			Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ Bố Trạch
4	8001817 - Đầu tư xây dựng đường nối từ trục N2 đi các xã phía Bắc và kết nối với trục B2 trước nhà máy may, huyện Quảng Trạch	8001817	7.200			Ban QLDA ODA Quảng Trạch
5	8051346 - Xây dựng Quảng trường biển thị xã Ba Đồn.	8051346	2.500			Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ Ba Đồn
6	8169360 - Các tuyến đường theo quy hoạch vùng phụ cận xã Đồng Lê	8169360	20.000			UBND xã Đồng Lê
7	8170090 - Hạ tầng kỹ thuật và đường vào khu di tích lịch sử hang Lèn Hà, xã Tuyên Lâm	8170090	10.000			UBND xã Tuyên Lâm
8	8170091 - Hạ tầng tuyến đường từ xã Tuyên Hóa kết nối với tuyến đường 559 thuộc xã Nam Ba Đồn	8170091	14.000			UBND xã Tuyên Hóa
9	7944319 - Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung vùng nông thôn tỉnh Quảng Trị	7944319	5.000			Trung tâm nước sạch và VSMTNT

STT	Danh mục dự án	Mã số dự án	KH vốn năm 2026	Số giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Chủ đầu tư
10	8161114 - Xây dựng hoàn thiện nút giao và hệ thống điện chiếu sáng, vỉa hè, cây xanh đường Điện Biên Phủ.	8161114	8.000			Ban Quản lý Dự án Môi trường và biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới
11	8153008 - Tuyến đường từ Quốc lộ 1 đi đường ven biển tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch (Giai đoạn 1)	8153008	14.000			Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ Bố Trạch
12	8062828 - Nhà lớp học và phòng học bộ môn 2 tầng 6 phòng Trường THCS Châu Hóa.	8062828	1.500			UBND xã Tuyên Hóa
13	8129626 - Nhà lớp học và chức năng Trường TH Liên Trạch	8129626	2.000			BQL dự án ĐTXD&PTQĐ Bố Trạch
14	8172661 - Kè chống sạt lở dọc sông Cẩm Lý, xã Lệ Ninh.	8172661	13.000			UBND xã Lệ Ninh
15	7993547 - Xây dựng nhà lớp học, khối phòng hỗ trợ học tập 10 phòng 2 tầng và hệ thống PCCC Trường Tiểu học Quảng Kim	7993547	1.900			UBND xã Phú Trạch
16	8154693 - Đầu tư kè chống xói lở đoạn từ vườn Phụ Lão thôn Long Trung đến thôn Tiên Phan, xã Quảng Tiên	8154693	3.000			Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ Ba Đồn
17	8175726 - Hạ tầng tuyến đường từ Quốc lộ 12A đi đường tránh lũ Phù Cảnh, xã Tân Gianh, Tỉnh Quảng Trị	8175726	20.000			UBND xã Tân Gianh
18	8170387 - Nâng cấp mở rộng đường Hiền - Xuân - An - Vạn (đoạn qua An Ninh đi Vạn Ninh).	8170387	1.700			UBND xã Trường Ninh
19	8167138 - Đường và hạ tầng kỹ thuật Khu di tích danh thắng Núi Thần Đinh	8167138	8.000			UBND xã Trường Sơn
20	Cải tạo, chỉnh trang cơ sở hạ tầng phục vụ mùa du lịch phường Đồng Hới	8171675	11.500			UBND phường Đồng Hới

STT	Danh mục dự án	Mã số dự án	KH vốn năm 2026	Số giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Chủ đầu tư
21	Đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe công cộng trên địa bàn các phường Đồng Hới, Đồng Thuận, Đồng Sơn		10.000			Sở Xây dựng
22	8082876 - Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Gio Hải (cơ sở 2)	8082876	18.000			Ban QLDA, PTQĐ &CCN xã Gio Linh
B	CÁC DỰ ÁN GIẢI NGÂN DƯỚI 10%		574.862	25.195	4,4	
	<i>Ngân sách tỉnh</i>					
1	151100022 - Xây dựng mới Trạm Biên phòng CKQT Cha Lo và nâng cấp, cải tạo, sửa chữa một số trạm, tổ công tác biên phòng	151100022	10.000	54	0,54	Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh
2	7971800 - Xây dựng trung tâm thể dục thể thao huyện Lệ Thủy	7971800	18.000	1.318	7,32	BQLDA ĐTXD và PTQĐ Lệ Thủy
3	7898160 - San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm Cửa Khẩu quốc tế La Lay- Tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2)	7898160	18.600	1.751	9,41	
4	8101279 - Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cầu kết hợp đường hai đầu cầu qua thôn Minh Tiến xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	8101279	48.500	2.390	4,9	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ Ba Đồn
5	7939179 - Đường hai đầu cầu dây văng Sông Hiếu - giai đoạn 1	7939179	8.500	416	4,89	BQLDA ĐTXD tỉnh
6	8057257 - Tuyến RD-01 và RD-04 Khu công nghiệp Quán Ngang	8057257	9.000	58	0,64	BQL Khu Kinh Tế
7	8127126 - Xây dựng củng cố đê, kè chống sạt lở cửa sông Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới giai đoạn 2 (đoạn từ Km 0+724 đến KM1+200)	8127126	29.500	1.490	5,05	Ban QLDA Đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Môi trường
8	8135537 - Xây dựng cấp bách Cầu Năm Ông Km19+050/ĐT.564, huyện Lệ Thủy	8135537	11.383	1.029	9,04	Sở Xây dựng

STT	Danh mục dự án	Mã số dự án	KH vốn năm 2026	Số giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Chủ đầu tư
9	8181369 - Xây dựng cầu vượt lũ tại Km11+200 tuyến ĐT.588a	8181369	21.230	911	4,29	Sở Xây dựng
10	8173356 - Kè chống sạt lở bờ suối Tổ dân phố 3, xã Minh Hóa (giai đoạn 1)	8173356	11.000	375	3,41	UBND xã Minh Hóa
11	8177915 - Hạ tầng kỹ thuật và Nhà lớp học bộ môn Trường THCS An Ninh, xã Trường Ninh	8177915	5.000	39	0,78	UBND xã Trường Ninh
12	8048563 - Nhà thi đấu đa năng và các công trình phụ trợ thị xã Ba Đồn	8048563	14.500	1.000	6,90	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ Ba Đồn
13	7746454 - Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến Phường An Đôn		18.500	1.000	5,41	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng tỉnh
14	7958486 - Hệ thống thoát nước khu vực Trường THCS Phan Đình Phùng và Khu phố 2, phường 5, thành phố Đông Hà		21.000	1.648	7,85	Ban QLDA ĐTXD phường Đông Hà
15	7953623 - Đường Lê Thánh Tông, thành phố Đông Hà (đoạn Lê Lợi – Hùng Vương)		20.000	1.274	6,37	Ban QLDA ĐTXD phường Đông Hà
16	8117396 - Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1; Đầu tư xây dựng các Khu tái định cư		12.027	74	0,62	Ban QLDA, PTQĐ và CCN xã Triệu Phong
	Ngân sách trung ương					
1	8165484 - Trường nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Thượng Trạch		100.050	5.749	5,75	BQLDA ĐTXD tỉnh
	Các dự án ODA					
1	8100490 - Trung tâm Bảo trợ xã hội và Phục hồi chức năng dành cho người khuyết tật tỉnh Quảng Trị	8100490	30.500	2.429	7,96	Sở Y tế
	Đối ứng NSDP		5.500	341	6,20	
	ODA		25.000	2.088	8,35	

STT	Danh mục dự án	Mã số dự án	KH vốn năm 2026	Số giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Chủ đầu tư
2	7750871 - Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Trị	7750871	2.960	215	7,26	BQLDA ĐTXD tỉnh
	Đối ứng NSDP		1.700	215		
	Đối ứng NSTW		1.260			
3	8130819 - Nâng cao năng lực thu gom, xử lý chất thải rắn bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị	8130819	30.426	377	1,24	Sở Nông nghiệp và MT
	Đối ứng NSDP		5.926	377		
	ODA		24.500	0		
4	7832214 - XD CSHT thích ứng với BĐKH cho đồng bào DTTS (CRIEM) tỉnh Quảng Trị	7832214	105.000	0	0,00	BQLDA ĐTXD tỉnh
	Đối ứng NSTW		45.000	0		
	ODA		60.000	0		
5	8128189 - Cấp nước sạch và Quản lý tài nguyên nước tại ba xã miền núi Cam Chính - Cam Nghĩa - Cam Tuyền, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị	8128189	29.186	1.598	5,48	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất xã Cam Lộ
	ODA		20.500			
	Đối ứng NSDP		8.686	1.598		